TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2024/DS-PT
Ngày: 31/10/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Sơn Nữ Phà Ca.**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Phạm Trường Thọ.**

2. Bà **Đặng Thị Ánh Bình**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Vân Khanh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2024/TLPT-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 290/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Út A**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Quốc C**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Đỗ Lê Cao Đăng T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: đường D, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Nguyễn Trần Diễm C1**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Anh **Lý Nguyên C2**, sinh năm 1992 đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2023)

Địa chỉ: đường N, phường T, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Đỗ Lê Cao Đăng T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: đường D, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/7/2024).

2. **Văn phòng Công chứng V** (Văn phòng Công chứng M).

Địa chỉ: đường M, Khóm C, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Chị **Đặng Thị Thanh T1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Chị **Đặng Thị Bạch T2**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/01/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà Đinh Thị Út A, đại diện theo ủy quyền ông Trần Hoàng P trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Đinh Thị Út A có vay của anh Phạm Văn Quốc C số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.600.000 đồng/120.000.000 đồng/tháng, hai bên có làm giấy tay đề ngày 03/8/2022, anh C có ký tên và lăn tay vào biên nhận phần bên cho vay, còn chữ viết Phạm Văn Quốc C là do bà Nguyễn Trần Diễm C1 viết, bà A cũng có ký tên và lăn tay vào biên nhận phần bên vay, thời hạn vay 06 tháng. Để đảm bảo cho hợp đồng vay tài sản các bên có đến Văn phòng Công chứng M ký hợp đồng ủy quyền, thời gian 06 tháng tính từ ngày 03/8/2022, bà A có giao cho anh C bản chính giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 355; tờ bản đồ số 1; diện tích 1.179,0m^2, trong đó có 50m^2 đất ở và 1.129,0m^2 đất trồng cây lâu năm số phát hành DG 795103 số vào sổ cấp GCN: CS 11398 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long ký cấp giấy vào ngày 29/7/2022, đất tọa lạc ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do bà A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hợp đồng ủy quyền ngày 03/8/2022 để đảm bảo số tiền vay 120.000.000 đồng nhưng nội dung hợp đồng ủy quyền ghi nhận bà Đinh Thị A giao cho anh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355, anh C được thay mặt bà A liên hệ với cơ quan nhà nước làm thủ tục và ký tên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng thửa đất 355, được ký tên vào các văn bản hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cầm cố. Sau khi vay, bà A có đóng lãi cho phía anh C 06 tháng số tiền 21.600.000 đồng.

Do có nhu cầu sử dụng nên bà A có yêu cầu anh C trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355, bà A đồng ý trả lại anh C số tiền vốn đã vay là 120.000.000 đồng nhưng anh C cho rằng hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Trần Diễm C1 đang giữ nên không thể giao trả cho bà.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 03/8/2022; yêu cầu anh C và bà C1 trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.179, 0m^2 do bà A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà A đồng ý trả lại cho anh C số tiền 120.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn cho rằng, mặc dù anh C khai không nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355 nhưng quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải và bản khai ý kiến đều thừa nhận có nhận của bà A bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh; anh C cho rằng bà A nhờ anh C làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn 06 tháng, nhưng trong thời gian ủy quyền bà A vẫn quản lý đất, không ai đo đạc, tách thửa, chuyển nhượng; đối với 50.000.000 đồng phí dịch vụ cho anh B như anh C trình bày bà A không biết và cũng không biết ai tên B. Bà A cũng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà C1 có nghĩa vụ cùng anh C trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả cho anh C.

** Theo bản tự khai ngày 16/06/2023, đơn phản tố ngày 23/08/2023 trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Lê Cao Đăng T trình bày:*

Vào ngày 03/8/2022 bà Đinh Thị Út A có vay của anh C số tiền 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận với nhau thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 03/8/2022 đến ngày 03/8/2024, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Đồng thời, bà A có giao cho anh C 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DG 795103, số vào sổ cấp GCN: CS11398 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy ngày 29/7/2022 đối với thửa 355 , tờ bản đồ số 1, diện tích 1.179,0m^2, đất tọa lạc ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, mục đích bà A giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là yêu cầu anh C làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tìm người nhận cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng cho người khác khi có giá thích hợp. Trong trường hợp chuyển nhượng, cầm cố hay thế chấp cho người khác thì anh C được quyền cấn trừ số tiền 120.000.000 đồng mà bà A đã mượn nên ngày 03/8/2022 giữa bà Đinh Thị Út A và anh Phạm Văn Quốc C có đến Văn phòng Công chứng M ký hợp đồng ủy quyền thời gian 06 tháng tính từ ngày 03/8/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà A có trả lãi cho anh C được 3.600.000 đồng và không tiếp tục trả lãi như thỏa thuận ban đầu. Đối với biên nhận ngày 03/8/2022 mà bà A cung cấp cho Tòa án có thời hạn vay 06 tháng, anh C đã xác định chữ ký, chữ viết trong biên nhận không phải của anh C nên yêu cầu giám định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền, ngày 03/8/2022 thì tháng 9/2022, anh C có nhờ anh B làm dịch vụ để lập thủ tục đo đạc và xin cấp đổi giấy chứng nhận mới với giá dịch vụ là 50.000.000 đồng, nên anh giao toàn bộ hồ sơ trong đó có bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355; tờ bản đồ số 1 diện tích 1.179,0m^2 cho anh B. Đồng thời anh C cũng nhờ anh B tìm người nhận chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp thửa đất số 355 và khi đó anh đã trao đổi với bà A và bà cũng đồng ý khoản phí dịch vụ cấp đổi giấy này là 50.000.000 đồng, bà cũng hứa sẽ trả lại cho anh số tiền trên nhưng đến nay bà vẫn không thực hiện.

Nay anh C có yêu cầu số tiền vay chưa đến hạn nếu bà A yêu cầu trả nợ thì anh C yêu cầu bà A trả lại cho anh C số tiền vay 120.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng (tính từ ngày 03/8/2022 đến ngày 03/8/2024 là 24 tháng bằng

43.200.000 đồng) và chi phí dịch vụ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50.000.000 đồng. Tổng cộng anh C yêu cầu bà A trả số tiền là 213.200.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh C trình bày: trong vụ án nguyên đơn không có quyền khởi kiện do chưa đến thời hạn trả nợ vay; không có căn cứ nào chứng minh hợp đồng vay và hợp đồng ủy quyền có chung thời hạn 06 tháng; vụ án chưa có phát sinh tranh chấp xảy ra, quyền và lợi ích hợp pháp chưa bị xâm phạm; hợp đồng ủy quyền đã hết hiệu lực; anh C không có nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A và không có nhận khoản lãi nào từ bà A đối với số tiền vay 120.000.000 đồng. Trường hợp nếu Tòa án xác định vẫn giải quyết thì anh C có ý kiến: đối với hợp đồng ủy quyền ngày 03/8/2022 đã hết hiệu lực; nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bị đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355 nên không có căn cứ buộc anh C trả; nếu bà A tự nguyện trả anh C 120.000.000 đồng thì anh C đồng ý nhận nhưng tính thêm lãi theo lãi suất 1,66%/tháng trong thời hạn 02 năm và 50.000.000 đồng phí dịch vụ anh C đã giao cho anh B.

** Tại bản tự khai ngày 23/8/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Diễm C1 là anh Lý Nguyên C2 trình bày:*

Bà C1 không biết gì về việc vay tiền giữa bà A và anh C, không liên quan gì đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DG 795103, số vào sổ cấp GCN: CS11398 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy ngày 29/7/2022 đối với thửa 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.179,0m^2, tọa lạc ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên bà C1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là đưa bà C1 tham gia vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Tại Công văn số 10/CV-VPCC ngày 26/02/2024 Văn phòng Công chứng V trình bày:*

Theo hợp đồng ủy quyền số 3734 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HDGD do Văn Phòng Công chứng M công chứng ngày 03/8/2022, nay Văn Phòng Công chứng M đã chấm dứt hoạt động và đổi tên thành Văn phòng công chứng V tỉnh Vĩnh Long, là tổ chức hành nghề công chứng chỉ có nghĩa vụ kế thừa, quản lý và lưu trữ hồ sơ công chứng của Văn Phòng Công chứng M, việc công chứng hợp đồng ủy quyền nêu trên thì Văn phòng công chứng V không trực tiếp

thực hiện nên không nắm rõ bản chất của vụ việc và quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ công chứng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thanh T1 trình bày:*

Chị là con ruột của bà Đinh Thị Út A, bà A có đưa tiền nhờ chị chuyển trả lãi thế chấp quyền sử dụng đất cho anh C theo giấy nộp tiền ngày 27/10/2022 số tiền 3.622.000 đồng, phiếu yêu cầu dịch vụ ngày 18/02/2023 số tiền 7.226.000 đồng; ngày 30/12/2022 số tiền 7.226.000 đồng. Nay chị không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Bạch T2 trình bày:*

Chị là con ruột của bà Đinh Thị Út A, vào ngày 17/9/2022 chị có chuyển khoản cho anh Phạm Văn Quốc C số tiền lãi vay của bà Đinh Thị Út A là 3.626.700 đồng, do bà A không có số tài khoản nên nhờ chị chuyển dùm thông qua tài khoản của chị, số tiền nhận chuyển khoản trả cho anh C là tiền của bà A, chị không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Từ trước đến nay chị không vay tiền của anh Phạm Văn Quốc C, tài khoản chị chuyển cho anh C là do anh C cung cấp cho bà A sau đó bà A đưa tài khoản để chị chuyển khoản trả tiền lãi.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3, khoản 14 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 161; Điều 227; Điều 228; Điều 217; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 105; Điều 562; Điều 563; Điều 166; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Út A.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị Út A về việc rút yêu cầu đối với bà Nguyễn Trần Diễm C1 trả lại giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất thửa 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.179,0m^2 đất tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng ủy quyền ngày 03/8/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng M, tỉnh Vĩnh Long số công chứng 3734 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD hết hiệu lực.

- Buộc anh Phạm Văn Quốc C trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 355; tờ bản đồ số 1; diện tích 1.179,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm số phát hành DG 795103 số vào sổ cấp GCN: CS 11398 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long ký cấp giấy vào ngày 29/7/2022 đất tọa lạc ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do bà Đinh Thị Út A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đinh Thị Út A.

Nếu anh Phạm Văn Quốc C không trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì bà Đinh Thị Út A được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật.

- Buộc bà Đinh Thị Út A có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn Quốc C số tiền 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*.

Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm, còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Tại đơn kháng cáo ngày 22/7/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Diễm C1 trình bày:

Bà C1 yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Út A với lý do:

Thứ nhất, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long chưa xem xét, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án một cách khách quan, đầy đủ.

Thứ hai, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây thiệt hại quyền và lợi

ích của bà C1, cụ thể, trong quá trình giải quyết vụ án, bà C1 chỉ được mời và tham gia hòa giải 01 lần với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn những lần hòa giải khác, bà không được Tòa án mời hoặc mời nhưng chưa hợp lệ nên bà C1 đã không thể tham gia giải quyết vụ án. Do vậy bà C1 đã không thể thực hiện được quyền tố tụng của mình, bà đã không thể nắm được tình hình vụ án nên không thể nộp đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập để buộc bà A hay anh Quốc C trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng kèm lãi suất vì số tiền đó là của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh T đồng ý xét xử vắng mặt anh C2 (người cùng đại diện hợp pháp cho bà C1). Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, lý do cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dẫn đến bà C1 không thể tham gia giải quyết vụ án để yêu cầu độc lập đối với số tiền 120.000.000 đồng mà anh C giao cho bà A là tài sản của bà C1.

Anh T với tư cách người đại diện hợp pháp cho bị đơn anh C thừa nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355 do bà A giao cho anh C nhưng anh C đã giao cho anh L làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, chi phí 50.000.000 đồng. Anh T thừa nhận sau khi án sơ thẩm xử anh C không kháng cáo bản án sơ thẩm. Thống nhất theo yêu cầu kháng cáo bà C1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Diễm C1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Trần Diễm C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại cấp phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Diễm C1 ủy quyền cho các anh Lý Nguyên C2 và anh Đỗ Lê Cao Đăng T đại diện hợp pháp cho bà C1. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh C2 vắng mặt, anh T đại diện bà C1 thống nhất anh T sẽ đại diện bà C1 tham gia phiên tòa và đồng ý xét xử vắng mặt anh C2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng V và bà Đặng Thị Thanh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Diễm C1 yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm với lý do Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long chưa xem xét, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án một cách khách quan, đầy đủ và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây thiệt hại quyền và lợi ích của bà C1.

Xét về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện T: Tại giấy triệu tập ngày 27/3/2023, Tòa án nhân dân huyện T đã tống đạt dưới hình thức niêm yết công khai (theo các bút lục số 25, 26, 27, 28) vì bà C1 đã không có mặt tại địa chỉ thường trú và không rõ thời gian trở về, cũng như không gặp được người thân cùng nơi cư trú của bà để nhận thay văn bản, sự việc này có xác nhận của Trưởng ấp M và Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thủ tục niêm yết được tiến hành hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 174, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 248/TB-TA ngày 4/7/2024 kèm giấy triệu tập, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 248/TB-TA đã được Tòa án nhân dân huyện T tống đạt hợp lệ cho bà C1 tại địa chỉ cư trú bà C1 cho người thân là cha ruột và mẹ ruột của bà C1 là ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thu H nhận thay vào các ngày 20/7/2023, ngày 06/8/2023 và ông bà cam kết giao lại tận tay cho bà C1, theo các bút lục số 47, 50.

Ngoài ra, tại giấy triệu tập đối với các lần hòa giải tiếp theo vào các ngày 29/2/2024, 6/5/2024 và quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân huyện T cũng đã tống đạt cho người đại diện theo ủy quyền của bà C1 là anh C2 (bằng hình thức niêm yết công khai vì anh C2 vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về) và tống đạt cho bà Trần Thị Thu H là mẹ ruột của bà C1 nhận hợp lệ.

Xét Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ và hợp lệ các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và việc xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Trần Diễm C1 hoàn toàn phù hợp theo Điều 171, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà C1 kháng cáo cho rằng do bà C1 không thể tham gia giải quyết vụ án nên không có yêu cầu độc lập đối với số tiền 120.000.000 đồng mà anh C giao cho bà A là tài sản của bà C1.

Theo hồ sơ thể hiện tại biên nhận vay ngày 03/8/2022 thể hiện bà Đinh Thị Út A vay của anh Phạm Văn Quốc C số tiền 120.000.000 đồng. Tại bản án sơ thẩm đã xử buộc bà Đinh Thị Út A có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn Quốc C số tiền 120.000.000 đồng. Anh C cũng đồng ý bản án sơ thẩm và không kháng cáo.

Xét ngày 23/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của bà C1 là anh Lý Nguyên C2 có nộp cho Tòa án nhân dân huyện T văn bản ủy quyền của bà C1, ủy quyền cho anh thay mặt bà C1 tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại bản tự khai (bút lục số 64), kèm theo văn bản ủy quyền, anh C2 cũng trình bày: bà C1 hoàn toàn không biết gì về việc mượn tiền và cho mượn tiền giữa anh Phạm Văn Quốc C và bà Đinh Thị Út A. Đồng thời, bà cũng không biết gì về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong vụ án. Việc tranh chấp giữa anh C và bà A không liên quan đến bà C1, nên bà C1 không chấp nhận việc bà A đưa bà C1 tham gia vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Điều này chứng tỏ, bà C1 đã nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án nhân dân huyện T và biết việc tranh chấp giữa bà A và anh C nhưng bà C1, người đại diện hợp pháp bà C1 không có yêu cầu độc lập tranh chấp số tiền 120.000.000 đồng mà bà A thừa nhận nợ của anh C.

Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2023, bà C1 đã tham gia phiên họp và người đại diện theo ủy quyền của bà C1 là anh C2 vẫn giữ nguyên quan điểm là bà C1 không liên quan đến việc tranh chấp giữa bà A và anh C và không chấp nhận tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do đó, bà C1 kháng cáo cho rằng án sơ thẩm xét xử bà không biết, không tham gia làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Trần Diễm C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Trần Diễm C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà C1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm xong nên được khấu trừ.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị Út A về việc rút yêu cầu đối với bà Nguyễn Trần Diễm C1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.179,0m^2 đất tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ;Chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Diễm C1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 46/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Khoản 1 Điều 105, Điều 562, Điều 563, Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Út A.

- Hợp đồng ủy quyền ngày 03/8/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng M, tỉnh Vĩnh Long số công chứng 3734 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Đinh Thị Út A với anh Phạm Văn Quốc C đối với thửa đất 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.179,0m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm do bà Đinh Thị Út A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết hiệu lực.

- Buộc anh Phạm Văn Quốc C trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 355; tờ bản đồ số 1; diện tích 1.179,0m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm số phát hành DG 795103 số vào sổ cấp GCN: CS 11398 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long ký cấp giấy vào ngày 29/7/2022, đất tọa lạc ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do bà Đinh Thị Út A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đinh Thị Út A.

Nếu anh Phạm Văn Quốc C không trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì bà Đinh Thị Út A được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật.

2. Buộc bà Đinh Thị Út A có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn Quốc C số tiền 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Trần Diễm C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Số tiền trên bà C1 đã nộp tạm ứng xong theo biên lai số 0011492 ngày 07/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được khấu trừ.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị Út A về việc rút yêu cầu đối với bà Nguyễn Trần Diễm C1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.179,0m^2, đất tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Chi phí giám định và án phí dân sự sơ

thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC + VKSNDTC: 02;
- TANDCC + VKSNDCC: 02;
- VKSND TVL: 02;
- TAND HTO: 01;
- Cục THADS TVL: 01;
- Chi Cục THADS HTO: 01;
- Đương sự: 08;
- Lưu VP: 01;
- Phòng KTNV&THA: 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Sơn Nữ Phà Ca